

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/DS-ST

Ngày 15/7/2021

*“V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành

Bà Trần Thị Kim Khuyên

- Thư ký phiên toà: Bà Khương Thị Phụng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc: *“Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963

Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh V, có mặt

2. *Bị đơn:* Bà Kiều Thị Th, sinh năm 1968

Nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện L, tỉnh V, vắng mặt

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Bà Hà Thị Vĩnh T1, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh V, có mặt

Ông Hà Đức P, sinh năm 1959; Nơi cư trú: Nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện L, tỉnh V, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/3/2021; các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông là chồng của bà Hà Thị Vĩnh T1. Vợ chồng ông làm nghề kinh doanh, buôn bán vật liệu xây dựng tại xã Đ, huyện S, tỉnh V. Ngày 04/3/2017, bà Kiều Thị Th có mua gạch ngói ốp lát của vợ chồng ông để về làm nhà, trị giá là 37.750.000đ

(ba mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), ông là người trực tiếp bán cho bà Th, hai bên có viết giấy nhận nợ vào sổ nợ của ông. Đến ngày 23/8/2017, bà Th trả được cho ông 8.000.000đ, còn nợ lại 29.750.000đ. Trong quá trình vợ chồng ông đôn đốc trả nợ thì vợ chồng bà Th đã trả thêm được 9.000.000đ, còn nợ lại là 20.750.000đ cho đến nay. Vợ chồng ông đã nhiều lần đến nhà bà Th yêu cầu trả nợ nhưng vợ chồng bà Th khất nần không trả. Nay ông yêu cầu vợ chồng bà Kiều Thị Th, ông Hà Đức P phải trả cho vợ chồng ông số tiền còn nợ là 20.750.000đ, không yêu cầu lãi suất.

Bị đơn bà Kiều Thị Th và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà Đức P (chồng bà Thành) tại phiên tòa vắng mặt, nhưng tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/4/2021, bà Kiều Thị Th, ông Hà Đức P đều trình bày: Ngày 04/3/2017, bà Th có mua vật liệu xây dựng là gạch ốp lát của ông Nguyễn Văn T. Tổng số tiền mua hàng là 37.750.000đ, bà Th có viết giấy nhận nợ cho ông T. Đến ngày 23/8/2017, bà Th có trả được cho ông T 8.000.000đ, có viết giấy (viết cùng với giấy viết ngày 04/3/2017). Đến ngày 27/12/2017 (âm lịch), ông T có sang nhà bà Th đòi nợ và bà Th đã trả được cho ông T thêm 2.000.000đ, ông T viết vào sổ viết tay của ông T, bà Th có ký vào sổ của ông T. Đến khoảng tháng 5/2018, ông T có đến nhà bà Th, bà Th đi vắng nên ông Hà Đức P đã trả cho ông T thêm 2.000.000đ, không viết giấy tờ gì. Đến tháng 6/2020, ông T đến nhà bà Th, bà Th đã trả thêm cho ông T 5.000.000đ, ông T có viết giấy và bảo bà Th nếu bà Th không trả hết nợ thì ông T sẽ gửi giấy nợ lên Tòa án giải quyết, bà Th có ký vào giấy nợ đó của ông T. Như vậy, tổng số tiền vợ chồng ông bà đã trả cho ông T là 17.000.000đ, còn nợ là 20.750.000đ. Nay ông T yêu cầu vợ chồng ông bà trả nợ số tiền này, vợ chồng ông bà nhất trí trả. Bà Th không có yêu cầu phản tố, ông P không có yêu cầu độc lập.

Ngoài ra, bà Kiều Thị Th và ông Hà Đức P có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Ông Hà Đức P có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm với lý do là người cao tuổi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Hà Thị Vĩnh T1 trình bày: bà nhất trí với quan điểm của ông Nguyễn Văn T. Bà đề nghị ông P, bà Th có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà số tiền 20.750.000đ tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ. Bà T1 không có yêu cầu bổ sung và không có yêu cầu độc lập.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, Điều

440; Khoản 2 Điều 468, Điều 357 Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn T. Bị đơn là bà Kiều Thị Th và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Hà Đức P phải liên đới trả nợ cho ông T số tiền là 20.750.000đ và lãi suất chậm trả theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015; bà Kiều Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Hà Đức P được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định: Ông T bán vật liệu xây dựng cho bà Th để làm nhà; bà Th vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án Dân sự là *“Tranh chấp về Hợp đồng mua bán tài sản”*. Bị đơn trong vụ án là bà Kiều Thị Th có địa chỉ cư trú tại thôn N, xã L, huyện Lập Thạch nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Bà Kiều Thị Th và ông Hà Đức P là vợ chồng, mục đích của bà Th mua vật liệu xây dựng để làm nhà chung của vợ chồng. Do vậy, bà Th và ông P phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ông T số tiền trên theo quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015.

[2] Về tố tụng dân sự:

Bị đơn là bà Kiều Thị Th và người có quyền lợi liên quan trong vụ án là ông Hà Đức P vắng mặt tại phiên tòa, nhưng bà Th, ông P đã có đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Th, ông P nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Th, ông P theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp, lời khai của bị đơn Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 04/3/2017, ông T đã bán vật liệu xây dựng là gạch ốp lát cho bà Th với số lượng hàng trị giá là 37.750.000đ, mục đích để hoàn thiện nhà ở của vợ chồng bà Th. Sau khi ông Tuấn và bà Th giao nhận hàng đầy đủ thì bà Th có viết giấy nhận nợ cho ông T (giấy nhận nợ ngày 04/3/2017), số tiền nhận nợ là 37.750.000đ. Đến ngày 23/8/2017, bà Th đã trả được cho ông T 8.000.000đ. Sau đó, các bên đương sự đều xác nhận là phía vợ

chồng bà Th đã trả các lần tiếp theo là vào ngày 27/12/2017 (âm lịch) trả 2.000.000đ, tháng 5/2018 trả 2.000.000đ và tháng 6/2020 trả 5.000.000đ. Tổng các lần trả là 17.000.000đ, còn nợ lại là 20.750.000đ. Do bà Th, ông P khất nần không trả dù ông T, bà T1 đã nhiều lần đôn đốc, ông T yêu cầu bà Th, ông P phải trả nợ cho vợ chồng ông tổng số tiền hàng còn nợ là 20.750.000đ; bà Th, ông P đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho người bán hàng theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự 2015 nên yêu cầu này của ông T là có căn cứ cần được chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà Th, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông P đồng ý trả cho ông T số tiền theo yêu cầu của ông T nhưng không xác định được khi nào trả, ông T không đồng ý với ý kiến của bà Thành, ông P mà yêu cầu ông, bà phải trả ngay toàn bộ số tiền 20.750.000đ. Vì vậy, cần buộc bà Th, ông P có nghĩa vụ trả nợ cho ông T số tiền là 20.750.000đ

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là: $(20.750.000đ \times 5\%) \times 1/2 = 518.500đ$ (làm tròn).

Ông P có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm với lý do người cao tuổi nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông P là: $(20.750.000đ \times 5\%) \times 1/2 = 518.500đ$ (làm tròn).

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Do vậy, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 440, Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Buộc bà Kiều Thị Th, ông Hà Đức P phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền là 20.750.000đ (*Hai mươi triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên, người phải thi hành án không trả được thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Kiều Thị Th phải chịu 518.500đ (*Năm trăm mười tám nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hà Đức P được miễn án phí dân sự sơ thẩm là 518.500đ (*Năm trăm mười tám nghìn năm trăm đồng*).

Trả lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 950.000đồng theo Biên lai tạm ứng án phí số AA/2020/0001122 ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kết từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS huyện Lập Thạch;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Nga